TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 931/2019/KDTM-ST. Ngày: 11-06-2019. V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thuý Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Liên,

2. Bà Nguyễn Kim Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hải An, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 11 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 1126/2018/TLST-KDTM ngày 19 tháng 6 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2019/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 4 năm 2019, và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2019/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty Cổ phần Tập đoàn thép NM.** (Tên viết tắt: **NMI Steel Group**),

Trụ sở: Khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Đường VL2, ấp Voi Lá, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông NND, sinh năm 1969, địa chỉ: PVC, Phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 30/7/2018).

2. Bị đơn: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ LDP**.

Trụ sở: DBP, Phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông PTT, sinh năm 1988, chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện sửa đổi-bổ sung và tại các buổi hòa giải, nguyên đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn thép NM. có ông NND là đại diện trình bày*:

Công ty Cổ phần Tập đoàn thép NM. (Sau đây gọi tắt là: Công ty NM.) và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ LDP (Sau đây gọi tắt là: Công ty LDP) ký kết Hợp đồng số 0603-LDP/05/03/2017 ngày 06/3/2017 về việc mua 02 xe điện chở khách hiệu LVTONG-LT A627 và 01 xe điện chờ hàng hiệu LVTONG-Searter Cargo LT-A2.H2, với tổng giá trị hợp đồng là 647.499.400 đồng. Theo nội dung hợp đồng, thời hạn giao hàng của Công ty LDP là 40 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thanh toán lần 01. Thực hiện hợp đồng, Công ty NM. đã tiến hành thanh toán cho Công ty LDP hai đợt tổng cộng là 518.000.000 đồng (Ngày 20/3/2017 thanh toán 194.250.000 đồng và ngày 04/5/2017 thanh toán 323.750.000 đồng). Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Công ty LDP chưa tiến hành giao hàng theo thỏa thuận hợp đồng mặc dù Công ty LDP có nhiều văn bản đề nghị giãn thời gian giao hàng với Công ty NM..

Nhận thấy Công ty LDP luôn tìm mọi cách trì hoãn việc giao hàng nên Công ty Cổ phần Tập đoàn thép NM. khởi kiện Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ LDP yêu cầu chấm dứt việc thực hiện Hợp đồng số 0603-LDP/05/03/2017 ngày 06/3/2017, theo đó Công ty LDP phải trả lại số tiền đã nhận là 518.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả trên số tiền đã nhận theo Điều 306 Luật Thương mại và Án lệ số 09 được tính từ ngày 20/3/2017 trên số tiền hàng đã đưa lần 01 là 194.250.000 đồng và từ ngày 04/5/2017 trên số tiền hàng đã đưa lần 02 là 323.750.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền hàng còn thiếu.

** Đối với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ LDP:*

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ LDP đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, triệu tập để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 29/03/2019 và 11/04/2019, nhưng Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ LDP không đến làm việc và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ LDP.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh*:

Nguyên đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn thép NM. khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ LDP, trụ sở tại quận Bình Thạnh nên Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thụ lý đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự được nhận các văn bản tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, tại phiên tòa nguyên đơn đề nghị áp dụng lãi suất cho vay ưu đãi của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam là 6,5%/năm cho đến khi thanh toán xong là thấp hơn so với lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán, có lợi cho bị đơn do bị đơn vi phạm nghĩa vụ giao hàng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu hủy bỏ Hợp đồng mua bán số 0603-LDP/05/03/2017 ngày 06/3/2017 được ký giữa Công ty NM. và Công ty LDP và giải quyết hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng này là Công ty LDP phải trả lại số tiền hàng đã nhận 518.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất 6,5%/năm kể từ khi vi phạm nghĩa vụ cho đến khi thanh toán xong, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét nguyên đơn Công ty NM. khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán xe điện do vi phạm nghĩa vụ giao hàng của Công ty LDP nên căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho doanh nghiệp có mã số: 0310070462 (đăng ký thay đổi lần 8 ngày 02/6/2016), Công ty LDP có trụ sở chính tại BDP, Phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, Công ty LDP có địa chỉ văn phòng giao dịch tại số Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức nhưng Ủy ban nhân dân phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức tại Văn bản số 714/UBND ngày 15/8/2018 xác định: *Công ty LDP có chi nhánh hoạt động tại số 2/1 Quốc lộ 13 (nay là số Quốc lộ 13, Khu phố 5), phường Hiệp Bình Phước, quận*

Thủ Đức (Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0310070462-001 do Sở Kế hoạch và đầu tư cấp ngày 03/11/2011) từ ngày 03/11/2011 đến tháng 03/2018, không rõ nơi chuyển đến. Căn cứ Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xác định địa chỉ của Công ty LDP là 27/189A Điện Biên Phủ, Phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Người đại diện theo pháp luật của Công ty LDP nhân danh Công ty LDP ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty NM., nên căn cứ Điều 79 Bộ luật Dân sự năm 2015, việc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng mua bán hàng hóa gắn kết với địa chỉ của pháp nhân theo địa chỉ của pháp nhân tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty LDP. Vì vậy, không cần tống đạt các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của cá nhân là người đại diện theo pháp luật của Công ty LDP, bởi lẽ khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự quy định: *Cá nhân, là một bên trong quan hệ dân sự, phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú của mình trong trường hợp nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ*. Do đó, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa có ghi rõ ngày đưa vụ án ra xét xử lần hai đến địa chỉ trụ sở chính của Công ty LDP để Công ty LDP thực hiện quyền tranh tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nhưng người đại diện hợp pháp của Công ty LDP vắng mặt lần thứ hai mà không có lý do, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn Công ty LDP.

[3] Về khởi kiện yêu cầu hủy bỏ Hợp đồng số 0603-LDP/05/03/2017 ngày 06/3/2017 được ký giữa Công ty NM. và Công ty LDP và giải quyết hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng này:

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ khởi kiện yêu cầu hủy bỏ Hợp đồng số 0603-LDP/05/03/2017 ngày 06/3/2017 được ký giữa Công ty NM. và Công ty LDP Công ty LDP trả lại tiền hàng mà Công ty NM. đã đưa theo thỏa thuận tại Hợp đồng số 0603-LDP/05/03/2017 ngày 06/3/2017 tổng cộng là 518.000.000 đồng (Năm trăm mười tám triệu đồng) và tiền lãi phát sinh trên số tiền hàng đã nhận theo lãi suất cho vay ưu đãi 6,5%/năm của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam kể từ khi vi phạm nghĩa vụ (11/02/2018, 05/5/2018 và 01/8/2018) cho đến khi thi hành án xong.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Yêu cầu hủy bỏ hợp đồng mua bán:

Theo nội dung đã ký tại Hợp đồng mua bán số 0603-LDP/05/03/2017 ngày 06/3/2017, Công ty NM. mua từ Công ty LDP hai xe điện chở khách hiệu LVTONG, model LT A627 4+2 và một xe điện chở hàng hiệu LVTONG, model Searter Cargo LT-A2.H2, với tổng giá là 647.499.000 đồng (đã bao gồm thuế VAT 10% và vận chuyển) thực hiện thanh toán làm ba đợt (trong đó thanh toán đợt 1 là 30% giá trị hợp đồng sau khi hai bên ký kết hợp đồng), thời gian giao hàng là 40 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thanh toán lần 01 (Một). Xét chủ thể, nội dung và hình thức của Hợp đồng số 0603-LDP/05/03/2017 ngày 06/3/2017 phù hợp với các quy định tại Chương II Luật Thương mại 2005 nên buộc các bên phải thực hiện theo những nội dung đã thỏa thuận.

Ngày 20/3/2017, Công ty NM. đã tiến hành thanh toán cho Công ty LDP bằng ủy nhiệm chi số tiền đợt một là 194.230.000 đồng là đúng theo thỏa thuận tại Điều 4 của hợp đồng, nên nghĩa vụ giao hàng của Công ty LDP phát sinh trong thời hạn 40 ngày làm việc kể từ ngày 20/3/2017. Để tạo điều kiện cho bên bán Công ty LDP, Công ty NM. tiếp tục thanh toán đợt hai ngày 04/5/2017 bằng ủy nhiệm chi số tiền 323.750.000 đồng mặc dù chưa nhận được "*bill tàu và hình ảnh xe tại kho của nhà sản xuất"* theo thỏa thuận tại Điều 4 của hợp đồng. Vậy, Công ty NM. đã thanh toán cho Công ty LDP tổng số tiền là 518.000.000 đồng (Năm trăm mười tám triệu đồng).

Sau đó, Công ty LDP có các văn bản số 02/CV-LDP ngày 01/6/2017, số 171202/CV-LDP ngày 02/12/2017, số 1801/CV-LDP ngày 02/01/2018 đề nghị gia hạn thời gian giao hàng và đề xuất giao hàng thành ba đợt. Tại Văn bản số 40118/TCKT ngày 04/01/2018, Công ty NM. chấp thuận đề nghị gia hạn của Công ty LDP *giao hàng chia làm ba đợt: Đợt 1 giao xe Model LT A627 4+2 vào ngày 10/02/2018; Đợt 2 giao xe Model LT A627 4+2 ngày 05/5/2018; Đợt 3 giao xe Model LT A2.H2 vào ngày 31/07/2018*. Hết thời hạn giao hàng thỏa thuận lại, Công ty LDP vẫn không thực hiện việc giao hàng như đề nghị được Công ty NM. chấp thuận nên phải chịu trách nhiệm cho hành vi vi phạm thời hạn giao hàng theo thỏa thuận hợp đồng và theo quy định của Luật Thương mại. Xét tại các văn bản trả lời Công ty LDP, Công ty NM. xác định việc mua xe điện từ Công ty LDP *để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh* nhưng Công ty LDP vẫn không giao hàng theo thỏa thuận và cũng không có văn bản gửi đến Tòa án trình bày ý kiến của mình về không giao hàng đúng hạn theo thỏa thuận, và nguyên đơn xác định tại phiên tòa việc giao hàng không còn cần thiết vì công ty đã tìm biện pháp khác khắc phục, nên Hội đồng xét xử nhận thấy: Mặc dù thời hạn giao hàng được kéo dài hơn 01 năm so với thỏa thuận ban đầu nhưng Công ty LDP vẫn không thực

hiện được toàn bộ nghĩa vụ giao hàng theo thỏa thuận, nên có cơ sở khẳng định Công ty LDP không thể tiếp tục thực hiện nghĩa vụ giao hàng và việc không thực hiện giao hàng đúng hạn của Công ty LDP trong hợp đồng mua bán hàng hóa là vi phạm cơ bản nghĩa hợp đồng làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty NM. Căn cứ Điều 312 Luật Thương mại, Hội đồng xét xử chấp nhận khởi kiện của Công ty NM. về hủy bỏ Hợp đồng mua bán số 0603-LDP/05/03/2017 ngày 06/3/2017 được ký giữa Công ty NM. và Công ty LDP, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[3.2] Về giải quyết hậu quả pháp lý của việc hủy bỏ hợp đồng:

Do Hợp đồng mua bán số 0603-LDP/05/03/2017 ngày 06/3/2017 bị hủy bỏ nên các bên không phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 314 Luật Thương mại, *các bên có quyền đòi lại lợi ích do việc đã thực hiện phần nghĩa vụ của mình theo hợp đồng* nên Công ty NM. có quyền yêu cầu Công ty LDP trả lại số tiền hàng mà Công ty NM. đã giao. Vì vậy, yêu cầu của Công ty NM. đòi Công ty LDP trả số tiền hàng đã nhận tổng cộng 518.000.000 đồng là có cơ sở theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty NM. thay đổi khởi kiện liên quan đến tiền lãi như sau: Yêu cầu Công ty LDP phải thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán được tính từ sau ngày đến hạn không giao hàng là 11/02/2018, 06/5/2018 và 01/8/2018 tương ứng với 80% giá trị hàng hóa của từng đợt giao để tạo điều kiện cho Công ty LDP trả lại tiền. Xét việc thay đổi thời điểm bắt đầu tính tiền lãi tại phiên tòa so với khởi kiện tại Đơn khởi kiện đề ngày 28/5/2018 và 20/02/2019 là sự tự nguyện của nguyên đơn và có lợi cho bị đơn, không làm ảnh hưởng đến quyền tranh tụng của bị đơn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và tiếp tục xem xét yêu cầu này.

Tại phiên tòa, nguyên đơn đề nghị áp dụng lãi suất cho vay ưu đãi của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam là 6,5%/năm được công bố áp dụng cho khoản vay từ ngày 01/4/2019 đến 31/03/2020 đối với khoản tiền đã nhận do chậm thực hiện nghĩa vụ tính từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ cho đến khi thi hành án xong. Xét lãi suất cho khoảng thời gian chậm trả theo đề nghị của nguyên đơn là tự nguyện, thấp hơn so với lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả quy định tại Điều 306 Luật Thương mại và sự tự nguyện này là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận lãi suất đề nghị của nguyên đơn để tính tiền lãi mà bị đơn phải trả tính từ ngày chậm thực hiện nghĩa vụ cho đến khi thi hành án xong, đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở.

Tại hợp đồng, hai bên thỏa thuận: xe điện chở khách Model LT A627 4+2 có giá trước thuế là 185.220.000 đồng, xe điện chở hàng Model LT A2.H2 có giá trước thuế là 210.014.000 đồng, và Công ty LDP có nghĩa vụ vận chuyển hàng đến kho của Công ty NM. - Công ty NM. phải chịu phí vận chuyển sau thuế mỗi chiếc là 3.000.000 đồng, nên giá trị sau thuế VAT 10% và vận chuyển của từng xe như sau: Xe điện chở khách có giá là (185.220.000 đồng + 18.522.000 đồng + 3.000.000 đồng = 206.742.000 đồng) và xe điện chở hàng là (210.014.000 đồng + 21.001.400 đồng + 3.000.000 đồng = 234.015.400 đồng). Công ty NM. đã thanh toán được 80% tổng giá trị hợp đồng và thời hạn giao hàng đã được thỏa thuận lại nhưng Công ty LDP không thực hiện nghĩa vụ giao hàng nên Công ty LDP phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ như sau:

- Giao hàng đợt 1 ngày 10/02/2018 cho xe điện chở khách Model LT A627 4+2: Tiền lãi được tính ngay sau ngày nghĩa vụ đến hạn (ngày 11/02/2018) cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 485 ngày: (206.742.000 đồng x 80%) x (6,5% : 365 ngày) x 485 ngày = 14.285.023 đồng (Mười bốn triệu hai trăm tám mươi lăm ngàn hai mươi ba đồng).

- Giao hàng đợt 2 ngày 05/05/2018 cho điện chở khách Model LT A627 4+2: Tiền lãi được tính ngay sau ngày nghĩa vụ đến hạn (ngày 06/5/2018) cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 401 ngày: (206.742.000 đồng x 80%) x (6,5% : 365 ngày) x 401 ngày = 11.810.916 đồng (Mười một triệu tám trăm mười ngàn chín trăm mười sáu đồng).

- Giao hàng đợt 3 ngày 31/7/2018 cho xe điện chở hàng Model LT A2.H2: Tiền lãi được tính ngay sau ngày nghĩa vụ đến hạn (ngày 01/8/2018) cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 314 ngày: [518.000.000 đồng - (206.742.000 đồng x 80% x 2)] x (6,5% : 365 ngày) x 314 ngày = 10.468.529 đồng (Mười triệu bốn trăm sáu mươi tám ngàn năm trăm hai mươi chín đồng).

Vậy tổng số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ mà Công ty LDP phải trả cho Công ty NM. đến ngày xét xử sơ thẩm là (14.285.023 đồng + 11.810.916 đồng + 10.468.529 đồng = 36.564.468 đồng).

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ căn cứ chấp nhận khởi kiện của Công ty Cổ phần Tập đoàn thép NM. về hủy bỏ Hợp đồng mua bán số 0603-LDP/05/03/2017 ngày 06/3/2017 được ký giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn thép NM. và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ LDP, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ LDP có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần Tập đoàn thép NM. tổng cộng là 554.564.468 đồng, trong đó: tiền hàng đã nhận là 518.000.000 đồng (Năm trăm mười tám triệu đồng), tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ đến ngày xét xử sơ thẩm là 36.564.468 đồng (Ba

mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi bốn ngàn bốn trăm sáu mươi tám đồng) và tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số tiền hàng còn thiếu theo lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam là 6,5%/năm kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ LDP phải chịu án phí sơ thẩm là 26.182.579 đồng (Hai mươi sáu triệu một trăm tám mươi HAI ngàn năm trăm bảy mươi chín đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 306, Điều 312, Điều 314 Luật Thương mại 2005;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận khởi kiện Công ty Cổ phần Tập đoàn thép NM. về việc hủy bỏ Hợp đồng mua bán số 0603-LDP/05/03/2017 ngày 06/3/2017 được ký giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn thép NM. và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ LDP:

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ LDP trả cho Công ty Cổ phần Tập đoàn thép NM. tổng cộng là 554.564.468 đồng (Năm trăm năm mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi bốn ngàn bốn trăm sáu mươi tám đồng), trong đó: tiền hàng đã nhận là 518.000.000 đồng (Năm trăm mười tám triệu đồng), tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ đến ngày xét xử sơ thẩm là 36.564.468 đồng (Ba mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi bốn ngàn bốn trăm sáu mươi tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ LDP phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số tiền hàng còn thiếu theo lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam là 6,5%/năm.

2. Án phí sơ thẩm:

2.1. Án phí sơ thẩm giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại là 26.182.579 đồng (Hai mươi sáu triệu một trăm tám mươi hai ngàn năm trăm bảy mươi chín đồng) Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ LDP phải chịu.

2.2. Hoàn tiền cho Công ty Cổ phần Tập đoàn thép NM. số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.468.000 đồng (Mười bốn triệu bốn trăm sáu mươi tám ngàn đồng) theo Biên lai số 0004796 ngày 18/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Vũ Thị Thúy Vân